

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày 18-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Diệu;

2. Bà Ngô Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên;

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP TV; địa chỉ trụ sở chính: Phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Quang H, Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP TV (văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 và số 5850/2019/UQ-VPB ngày 30/7/2019 của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Giữa ngân hàng TMCP TV (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với bà Nguyễn Thị T đã thỏa thuận, ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201801/204061 ngày 18/01/2018 (còn gọi là Hợp đồng số LD 1802900306) với các nội dung: Ngân

hàng cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để bà T mua đồ gia dụng; thời hạn vay là 36 tháng kể từ khi bên vay nhận tiền vay; lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất thực hiện theo nội dung chấp thuận cho vay của ngân hàng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, phạt chậm trả lãi bằng 10% lãi suất trong hạn; lịch và phương thức trả nợ: Trả gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng về quyền, nghĩa vụ của hai bên.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân bằng tiền mặt ngày 29/01/2018 số tiền 50.000.000 đồng. Bà T đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình sử dụng vốn vay, bà T đã trả được một phần nợ gốc và tiền lãi. Bà T nhiều lần vi phạm việc trả nợ gốc và nợ lãi. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, tạo điều kiện thực hiện nghĩa vụ nhưng bà T vẫn vi phạm. Đến ngày 15/6/2018, toàn bộ khoản vay của bà T bị chuyển lãi quá hạn. Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 76.455.702 đồng (bao gồm nợ gốc 45.720.420 đồng, nợ lãi 28.368.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 2.367.426 đồng) và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ.

Bà Nguyễn Thị T là bị đơn nhưng không đến Tòa án thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện của ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả nợ cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 76.455.702 đồng (bao gồm nợ gốc 45.720.420 đồng, nợ lãi 28.368.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 2.367.426 đồng) và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn

Bà Nguyễn Thị T là bị đơn được được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung khởi kiện của ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng

Xét Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TP/VN0010324/201801/204061 ngày 18/01/2018 (còn gọi là Hợp đồng số LD 1802900306) giữa ngân hàng với bà T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là

ngân hàng với bên vay là bà T. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, bà T đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Việc bà T thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc bà T phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 76.455.702 đồng (bao gồm nợ gốc 45.720.420 đồng, nợ lãi 28.368.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 2.367.426 đồng) và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TV, buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP TV số tiền tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 18/11/2019 là 76.455.702 đồng (bao gồm nợ gốc 45.720.420 đồng, nợ lãi 28.368.036 đồng, nợ phạt chậm trả lãi 2.367.426 đồng) và tiền lãi, phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng phát sinh từ ngày 19/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 3.822.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP TV số tiền 1.530.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu tạm ứng án phí số 0003101 ngày 14/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

Ngân hàng TMCP TV có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương